

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 651/2024/DS-PT

Ngày: 26/12/2024

V/v "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024, về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 672/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Hồ Văn T là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2022 do ông T và bà Nguyễn Thị D là chỗ bạn thân với nhau. Do ông T và ông N có nợ xấu nên không đứng vay ngân hàng được nên nhờ bà Nguyễn Thị D đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất thửa số 42, tờ bản đồ số 31, diện tích 349,3m², loại đất ở nông thôn, đất thuộc đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi bà D đứng tên giấy chứng nhận QSD đất nêu trên, Bà D đã thế chấp vay tại Ngân hàng S chi nhánh huyện T vay số tiền 700.000.000đ đưa cho ông T, ông T là người đứng ra trả gốc và lãi cho phía Ngân hàng. Do lãi suất quá cao, ông T mới liên hệ với Ngân hàng xin đảo hạn trước thời hạn để vay lại gói vay khác cho lãi suất thấp hơn. Ngân hàng đồng ý nên ông T mới đi vay tiền của bà L số tiền là 700.000.000đ để trả cho Ngân hàng. Sau đó ông T mới nhờ bà D ký lại hồ sơ để vay ngân hàng lấy tiền trả cho bà L nhưng bà D không chịu ký. Do không có khả năng trả nợ cho bà L và không còn khả năng đóng lãi nên ông T và ông N mới đồng ý sang nhượng lại miếng đất nhờ bà D đứng tên để cản trừ nợ cho bà L. Khi bà L đến gặp bà D thì bà D buộc bà L phải giao cho bà D số tiền 100.000.000đ nói là tiền ông T còn thiếu bà D thì bà D mới làm thủ tục sang tên cho bà L. Ông T cũng đồng ý việc này và nói bà L đưa tiền cho bà D. Ông T có viết biên nhận nợ (100.000.000đ) với bà L ngày 06/7/2023 âm lịch. Tại đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết, ông T thừa nhận có nợ của bà D 100.000.000đ nhưng cho rằng đây là tiền bà D hùn với ông để mua trâu về nuôi bán kiếm lời; do trâu hiện nay ông T vẫn đang nuôi, chưa bán, khi nào bán xong, lời lỗ thế nào thì mới tính. Do vậy ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại số tiền 100.000.000 đồng, để ông trả cho bà L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Trước đây, bà D không nhớ ngày cụ thể ông T có mượn của bà số tiền là 100.000.000đ nói là để mua trâu về nuôi, nghĩ chỗ bạn bè nên bà D cho ông mượn không có lãi và cũng không có làm biên nhận. Sau đó, bà D cần tiền nên có yêu cầu ông T trả lại, nhưng ông T không trả cho bà D, biết ông T có một miếng đất đang cất nhà ở nhưng ông N là em ông T đứng tên giùm nên bà D nói ông T và ông N sang cho bà D đứng tên phần đất này để làm tin và bảo đảm cho số nợ 100.000.000đ mà ông T mượn. Ông T đồng ý và có nói là chuyển qua bà D đứng tên giùm sau này ông có vay tiền ở ngân hàng thì nhờ bà D thế chấp ký tên giùm để ông làm hồ sơ vay. Ông sẽ lấy tiền vay này trả lại cho bà D 100.000.000đ, bà D đồng ý.

Ngày 06/01/2022, ông T và ông N có làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà D diện tích đất 349,3m² thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá là 100.000.000đ, đúng bằng số tiền ông T nợ bà D. Sau đó, ông T, ông N có đến gặp và nhờ bà D làm thủ tục thế chấp và vay của Ngân hàng 700.000.000đ cho ông T, ông N giải quyết việc gia đình và tiền trả 100.000.000đ cho bà D (do phần đất này bà D đứng tên). Bà D đồng ý nhưng buộc ông T phải cam đoan trả gốc và lãi cho ngân hàng đầy đủ, ông T đồng ý. Bà D làm thủ tục vay và đưa đủ cho ông T số tiền đã vay là 700.000.000đ. Sau đó, ông T cho rằng ngân hàng này vay lãi

cao nên nhờ bà D làm thủ tục tắt toán sớm để ông vay lại ngân hàng khác với lãi suất thấp hơn.

Sau đó, ông T có vay của bà L 700.000.000đ để tắt toán Ngân hàng, nhưng lúc này ông T muốn chuyển nhượng phần đất này cho L để cân trừ nợ và yêu cầu bà D làm thủ tục chuyển nhượng cho bà L. Bà D đồng ý nhưng yêu cầu ông T phải trả lại bà số tiền 100.000.000đ thì bà D mới đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà L (vì ông T dùng phần đất này để đảm bảo số nợ này cho bà D). Ông T cũng đồng ý. Sau đó bà D đã cùng bà L đến văn phòng công chứng làm thủ tục sang tên phần đất trên cho bà L theo yêu cầu của ông T (nhưng bà L nhờ em bà là bà Phạm Thị H đứng tên giùm và ông T cũng đồng ý). Ông N cũng biết việc sang tên này nhưng cũng đồng ý và không có ý kiến hay tranh chấp gì. Bà L có giao trả cho bà D là 100.000.000đ theo yêu cầu của ông T và lúc đó bà D thấy hoàn cảnh ông T khó khăn nên bà D có hỗ trợ lại ông T 10.000.000đ. Do đó, số tiền 100.000.000đ bà L giao cho bà D theo yêu cầu của ông T là tiền ông T mượn của bà L để trả số nợ 100.000.000đ nói trên cho bà D. Nên nay bà D không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L trình bày: Ông T có mượn của bà số tiền 100.000.000đ để đưa tiền cho bà D, khi mượn có làm biên nhận ngày 06/7/2023 âm lịch và ông T có ký tên vào biên nhận này. Nay bà L yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 100.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại số tiền 100.000.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L đối với ông Hồ Văn T. Buộc ông Hồ Văn T phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền 100.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Hồ Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ theo biên lai thu số 0011714 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2024, ông Hồ Văn T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng

chấp nhận yêu cầu của ông, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả lại cho ông 100.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Ông Hồ Văn T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Hồ Văn T là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Xét kháng cáo của ông Hồ Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T khởi kiện và kháng cáo yêu cầu bà D phải trả lại cho ông 100.000.000đ vì cho rằng trước đây bà D có hùn với ông 100.000.000đ để chăn nuôi trâu nhưng trâu thì hiện nay ông vẫn còn đang nuôi, chưa bán được, khi nào bán được trâu thì hai bên tính toán lại lời lỗ, nên số tiền 100.000.000đ mà ông vay của bà L và trả cho bà D tiền hùn nuôi trâu (thực hiện khi bà D ký hợp đồng chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất cho em của bà L đứng tên), là không đúng ý chí của ông và cũng không phù hợp thực tế, nên nay bà D phải trả lại số tiền này cho ông để ông trả lại cho bà L. Tuy nhiên, toàn bộ nội dung lời trình bày trên của ông T thì phía bà D không thừa nhận; ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm phía ông T lại trình bày số tiền bà D thực tế đã hùn nuôi trâu với ông là chỉ khoảng 32.000.000đ, tức lời trình bày của ông T là mâu thuẫn nhau và không có cơ sở. Do đó, xác định lời trình bày của bà D hoàn toàn có cơ sở, về việc trước đây ông T có nợ bà 100.000.000đ và khi bà ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho em bà L đứng tên thì bà L có cho ông T vay 100.000.000đ để trả số nợ này cho bà. Và vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà D phải trả lại 100.000.000đ là có căn cứ và phù hợp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L về việc yêu cầu ông T phải trả số tiền vay 100.000.000đ (theo biên nhận vay ngày 06/7/2023 âm lịch), cũng là có căn cứ. Nội dung quyết định này của bản án sơ thẩm thì ông T cũng thống nhất và không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T1 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại số tiền 100.000.000 đồng.
- Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L đối với ông Hồ Văn T. Buộc ông Hồ Văn T phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Ông Hồ Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- + Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0011714 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy